

2023



CÔNG TY TNHH THANG MÁY FUMICO VIỆT NAM

# HỢP ĐỒNG KINH TẾ

CUNG CẤP THANG TỜ HÀNG  
1000KG – 2STOPS



12/2023

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*



## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

*(Bao gồm sản xuất, lắp đặt vật tư thiết bị thang tải thực phẩm)*

**Số: 122/2023/HĐKT**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Khóa XIII nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại 36/2005/QH11 được Quốc hội Khóa XI nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên:

*Hôm nay, ngày 11 tháng 12 năm 2023 chúng tôi gồm có:*

### **Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS**

**Đại diện:** Bà Trần Thị Thom

**Chức vụ:** Chủ tịch hội đồng quản trị

**Địa chỉ:** Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam

**MST:** 1102026993

**Điện thoại:** 0918 424 325

### **Bên B : CÔNG TY TNHH THANG MÁY FUMICO VIỆT NAM**

**Đại diện:** Ông Đoàn Văn Dương

**Chức vụ:** Giám đốc

**Địa chỉ:** 443 Đường Nguyễn Thị Đặng – Khu phố 6 – Phường Hiệp Thành – Quận 12 - TpHCM

**Mã số thuế:** 0316251225

**Điện thoại:** 0965.321.345

**Hotline:** 0939.886.567

**Website:** Fumico.vn

**Email:** Fumicovietnam@gmail.com

Tài khoản công ty số: 12350117 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) chi nhánh TpHCM.

Hai bên cùng ký kết một hợp đồng với những nội dung và điều khoản sau đây :

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

Bên A đồng ý mua 02 thang tời hàng do Bên B cung cấp.

Tại địa chỉ:

**Chi tiết như sau:**

Cung cấp và lắp đặt hoàn thiện:

- 01 thang tời hàng, 02 điểm dừng
- 01 thang tời thực phẩm 200kg, 02 điểm dừng.

Bên B chịu trách nhiệm cung ứng, lắp đặt, vận hành và bảo hành 12 tháng cho thiết bị và 24 tháng cho hệ điều khiển.

**ĐIỀU 2: CHUNG LOẠI THIẾT BỊ VÀ GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG**

| Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| <div>- Loại thang: Thang tời hàng không người đi</div> <div>- Mã hiệu: <b>FUMICO-F1000</b></div> <div>- Tải trọng: 1000 kg</div> <div>- Tốc độ: 15m/phút</div> <div>- Số điểm dừng: 02 stops</div> <div>- Động cơ: Mitsubishi (Thái Lan) 7.5Kw</div> <div>- Hệ điều khiển: Bo vi xử lý, biến tần Fuji</div> <div>- Kích thước hồ thang: W2000xD2000 (ngang x sâu)</div> <div>- Kích thước cabin: W1500xD1600xH2100 (ngang x sâu x cao)</div> <div>- Vật liệu cabin: Inox sọc 304 dày 1mm</div> <div>- Vật liệu cửa tầng: Cửa sắt xếp không lá</div> <div><b>Khung thép thang tời:</b></div> <div>- 4 trụ: I200</div> <div>- Giằng: U120</div> <div>(Không bao gồm chi phí bao bọc hồ thang)</div> | 01       | 205.000.000   | 205.000.000      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |    |            |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------|-------------|
| - Loại thang: Thang tời thực phẩm<br>- Mã hiệu: <b>FUMICO-DW200</b><br>- Tải trọng: 200 kg<br>- Tốc độ: 15m/phút<br>- Số điểm dừng: 02 stops<br>- Động cơ: Mitsubishi (Nhật Bản) 2.2Kw<br>- Hệ điều khiển tốc độ: Biến tần Mitsubishi 3.7Kw<br>- Kích thước hố thang: W1000xD1000<br>- Kích thước cabin: W600xD800xH1500<br>- Kích thước cửa: W600xH1000<br>- Vật liệu cabin: Inox 304<br>- Vật liệu cửa tầng: Inox<br><b>- Khung thép:</b><br>+ 4 trụ: V60<br>+ Giằng: V40<br>(Không bao gồm chi phí bao bọc hố thang) | 01 | 75.000.000 | 75.000.000  |
| <b>Tổng giá trị trước thuế:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |    |            | 280.000.000 |
| <b>VAT 8%</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |    |            | 22.400.000  |
| <b>Tổng giá trị sau thuế:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |    |            | 302.400.000 |
| <b>Ba trăm lẻ hai triệu, bốn trăm nghìn đồng.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |            |             |
| <i>(Các tính năng tham khảo trong đặc tính kỹ thuật phụ lục I)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |            |             |

### **ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN (bên A thanh toán cho bên B như sau):**

- Đợt 1: Thanh toán 40% của giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng
- Đợt 2: Thanh toán tiếp 50% giá trị hợp đồng sau khi bên B tập kết vật tư, thiết bị tới công trình và tiến hành lắp đặt, vận hành thử.
- Đợt 3: Thanh toán nốt 10% giá trị hợp đồng sau khi lắp đặt, vận hành, nghiệm thu bàn giao và **Bên B thực hiện xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho Bên A.**
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền áp dụng để thanh toán là tiền Đồng Việt Nam.

### **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

#### **4.1 Trách nhiệm của Bên A**

- Cung cấp điện, nước để Bên B thi công và vận hành thang máy.
- Cung cấp điện 3 pha 380V  $\pm 5\%$ , 50 Hz và 01 Aptomat-3phase/01thang cùng điểm đầu nối dây tiếp địa tại điểm đặt máy theo thiết kế thang máy của bên Bán.
- Bên B được quyền tạm ngưng hoặc chấm dứt hợp đồng nếu Bên A **không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán** theo thỏa thuận của hợp đồng này.

#### 4.2 Trách nhiệm của bên B

- Cung cấp bản vẽ thi công và các thiết bị đúng đặc tính kỹ thuật đính kèm.
- Cung cấp bản vẽ hồ thang ngay sau ký hợp đồng
- Cung cấp, lắp đặt hoàn chỉnh và vận hành thang máy.
- Hướng dẫn bên A vận hành thành thạo, bảo quản, bảo trì (nếu có).
- Không được tự ý thay đổi chủng loại và quy cách của Hàng hóa, mọi thay đổi phải được sự chấp nhận của bên A bằng văn bản chính thức.
- Bên B có trách nhiệm về Bảo hiểm tai nạn lao động, Bảo hiểm thiết bị, và Bảo hiểm Bên thứ ba.
- Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và giữ an ninh trật tự trong phạm vi công trường trong suốt quá trình thi công.
- Thực hiện khắc phục lỗi thi công theo quy định của Hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng vật liệu theo quy định của Hợp đồng và điều luật áp dụng.
- Tự trang bị dụng cụ thi công, thiết bị an toàn lao động.
- Bên B tự trang bị giàn giáo thi công, các trang thiết bị an toàn theo yêu cầu của chủ đầu tư.

### ĐIỀU 5: THỜI GIAN LẮP ĐẶT VÀ BẢO HÀNH

#### 5.1 Thời gian lắp đặt

- Thời gian lắp đặt, bàn giao: 40 ngày
- Nhập vật tư, sản xuất, đồng bộ: 20 ngày
- Lắp đặt cơ khí: 15 ngày
- Lắp đặt điện: 5 ngày
- Tổng: 40 ngày

#### 5.2 Bảo hành

- Bên B cung cấp cho Bên A phiếu bảo hành của Bên B và được tính từ ngày nghiệm thu.
- Bảo hành thiết bị 12 tháng. Thang máy được bảo hành khi xảy ra lỗi của nhà sản xuất. Các trường hợp không được bảo hành: lỗi do người sử dụng không đúng cách, thiên tai (lũ lụt, sét đánh, động đất...).

- Bên B phải bảo hành thiết bị thay thế đã lắp đặt trong 12 tháng sau kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao cho Bên A sử dụng.
- Bên B bảo hành bộ điều khiển là 24 tháng.
- Sau thời gian bảo hành thiết bị khi có sự cố kỹ thuật, lỗi phần cứng hoặc phần mềm thì kỹ thuật bên B sẽ hỗ trợ đến kiểm tra, sửa chữa trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận thông báo của bên A bằng điện thoại, văn bản, email, fax, tin nhắn. Nếu cần thay thế, bổ sung các linh kiện của thiết bị thì Bên B hỗ trợ Bên A với giá ưu đãi nhất.
- Trường hợp thang máy bị hư hỏng thì Bên B phải cử người đến kiểm tra, xử lý ngay trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo điện thoại, văn bản, email, fax, tin nhắn của Bên A.
- Trong thời gian bảo hành thiết bị và trong thời gian hoạt động của bên A, nếu xảy ra lỗi do nhà sản xuất, các vấn đề liên quan đến sự lắp ráp, linh kiện của bên B thì bên B phải có trách nhiệm xử lý ngay khi nhận thông báo của bên A, tránh làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của bên A.
- Bên B đảm bảo các sản phẩm mà Bên B cung cấp được bảo hành theo đúng thời hạn nêu trên và các quy định bảo hành.

#### **ĐIỀU 6: BẤT KHẢ KHÁNG:**

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, tất cả phải được thông báo bằng văn bản, Fax, Email.
- Trong trường hợp xảy ra sự bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

#### **ĐIỀU 7: Bồi thường thiệt hại:**

- Mọi thiệt hại liên quan đến đối tượng thi công hoặc một bên thứ 3 nào khác phát sinh trong thời gian công trình chưa được bàn giao cho bên A sẽ do bên B chịu trách nhiệm.
- Bên B phải đền bù mọi thiệt hại cho bên A nếu các thiệt hại đó phát sinh do việc bên B không tuân thủ bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này.
- Nếu bên B trễ hạn thi công mà không có lý do chính đáng, không thông báo hoặc không được bên A đồng ý thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quá trình thi công các hạng mục khác của bên A và ảnh

hường đến thời gian bàn giao cho chủ đầu tư thì bên B phải chịu phạt 5% tổng giá trị hợp đồng.

#### **ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- Thiết bị bên B giao đến chân công trình để lắp đặt phải tự chịu trách nhiệm bảo quản, nếu có xảy ra mất mát gì thì bên A không chịu trách nhiệm.
- Tất cả phải được 2 bên thông báo bằng văn bản, Fax, hoặc email, điện thoại.
- Các bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản trong hợp đồng này.
- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền tại Thành Phố Hồ Chí Minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Hợp đồng tự động này được thanh lý khi hết thời gian bảo hành và nếu không có bất kỳ khiếu nại nào.
- Hợp đồng có giá trị kể từ ngày ký kết và được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**Chủ tịch hội đồng quản trị**



**Trần Thị Thơm**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Giám đốc**



**Đoàn Văn Dương**

**PHỤ LỤC I**

*Kèm hợp đồng số: 122/2023/HĐKT*

**ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT THANG HÀNG**

| TT                     | ĐẶC TÍNH               | ĐƠN VỊ | MÔ TẢ                                   |
|------------------------|------------------------|--------|-----------------------------------------|
| <b>ĐẶC TÍNH CƠ BẢN</b> |                        |        |                                         |
| 1                      | Loại thang             |        | Thang tời hàng                          |
| 2                      | Năm sản xuất           |        | 2023                                    |
| 3                      | Tiêu chuẩn áp dụng     |        | TCVN 6396 - 3:2010                      |
| 4                      | Số lượng               |        | 1                                       |
| 5                      | Tải trọng              | kg     | 1000                                    |
| 6                      | Tốc độ                 |        | 15m/p                                   |
| 7                      | Số tầng / Số điểm dừng | F/S    | 2/2                                     |
| 8                      | Tầng phục vụ           |        | 1, 2                                    |
| 9                      | Hành trình             | m      | ≤ 30                                    |
| 10                     | Kiểu mở cửa            |        | Cửa mở tay 1 cánh                       |
| 11                     | Kiểu vận hành          |        | Simlex – Vận hành đơn, tập hợp đủ chiều |
| 12                     | Đôi trọng              |        | Không                                   |

|    |                                           |  |                                                                                                                                                                                                        |
|----|-------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Hệ xử lý tín hiệu và điều khiển thang máy |  | <p><b>Bo vi xử lý, biến tần Fuji Japan</b></p>                                                                       |
| 14 | Động cơ                                   |  | <p><b>Mitsubishi (Thailand) có hộp số<br/>Công suất: 7.5 Kw</b></p>                                                 |
| 15 | Nguồn điện cung cấp                       |  | <p>-Động lực: <b>3P-380V-50Hz-50A</b> đến tại phòng máy (Khách hàng trang bị 1CB-3P-50A tại hộp cấp nguồn chính tầng trệt + 1CB-3P-50A tại hộp cấp nguồn thang máy trên phòng kỹ thuật thang máy).</p> |

#### KÍCH THƯỚC

|   |                                      |    |                                 |
|---|--------------------------------------|----|---------------------------------|
| 1 | Hố thang (Rộng x Sâu)                | mm | 2000 x 2000 (Lọt lòng hố thang) |
| 2 | Buồng thang/cabin (Rộng x Sâu x Cao) | mm | 1500 x 1600 x 2200              |
| 3 | Đỉnh hố thang                        | mm | 4600                            |
| 4 | Đáy hố thang                         | mm | 1400                            |

#### NỘI THẤT CABIN



|   |                   |  |                                                                                   |
|---|-------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Cửa tầng          |  | <b>W1200xH2100</b>                                                                |
| 2 | Bảng nút gọi tầng |  | -Mặt LOP: Gắn nổi, Inox sọc nhuyễn<br>-Nút nhấn: Dạng vuông, có đèn báo phát sáng |

|                            |                       |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                            |                       |                                                                    | -Hiện thị: Dot-matrix                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>CÁC TRANG BỊ KHÁC</b>   |                       |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1                          | Ray cabin             |                                                                    | T89 (Thailand)<br>(Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất)                                                                                                                                                                                                                    |
| 2                          | Shoes dẫn hướng cabin |                                                                    | Nhập khẩu chất lượng cao<br>(Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất)                                                                                                                                                                                                          |
| 3                          | Cáp dẫn động          |                                                                    | Nhập khẩu chất lượng cao<br>(THAILAND)                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>CÁC CHỨC NĂNG CHÍNH</b> |                       |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1                          | EAB                   | Chuông báo khẩn cấp                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nút nhấn bố trí trên bảng điều khiển cabin, cho phép phát tín hiệu chuông báo động khi cần trợ giúp từ bên ngoài trong trường hợp khẩn cấp</li> </ul>                                                                        |
| 2                          | AGS                   | Chuông báo đến tầng                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tín hiệu chuông báo ngay khi cabin dừng tại mỗi tầng mong muốn</li> </ul>                                                                                                                                                    |
| 3                          | AOLV                  | Tự động tắt đèn trong cabin khi thang ở trạng thái chờ gọi phục vụ | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sau một khoảng thời gian xác định (3 phút) mà thang không hoạt động thì đèn và quạt trong cabin sẽ tự động tắt để tiết kiệm điện. Hệ thống này sẽ tự động bật lại ngay khi thang chuyển sang trạng thái hoạt động</li> </ul> |
| 4                          | OLS                   | Cảm biến quá tải                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết bị cảm biến cho phép xác định chính xác trọng lượng hiện thời của cabin và báo cho hệ thống xử lý quá tải</li> </ul>                                                                                                   |
| 5                          | OTS                   | Cảm biến vượt quá hành trình                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết bị cảm biến đặt tại các giới hạn hành trình trên và dưới cho phép kiểm soát và đảm bảo thang sẽ không vượt quá hành trình cho phép</li> </ul>                                                                          |
| 6                          | OLP                   | Bảo vệ quá tải                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi tải trọng cabin vượt quá mức cho phép, tín hiệu báo quá tải sẽ phát ra, đồng thời cửa cabin sẽ không đóng lại cho đến khi giảm đủ tải thì thang mới hoạt động bình thường trở lại</li> </ul>                             |
| 7                          | TMP                   | Bảo vệ động cơ máy kéo                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi động cơ hoạt động không ổn định, độ an toàn của thang được bảo đảm thông qua thiết bị bảo vệ động cơ bằng cách kiểm tra sự thay đổi dòng điện và nhiệt độ để dừng hoạt động của thang</li> </ul>                         |
| 8                          | CLC                   | Kiểm soát bằng tầng                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các thiết bị cảm biến và cơ cho phép cabin dừng đúng vị trí tầng (sàn cabin và sàn tầng phải cùng một mức), và không vượt ra ngoài giới hạn cho phép.</li> </ul>                                                             |

|   |      |                    |                                                                                                                                                                    |
|---|------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9 | LPDO | Bảo vệ mở cửa tầng | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nếu cabin không dừng chính xác (không bằng tầng), cửa tầng sẽ không được mở để đảm bảo an toàn cho khách hành.</li> </ul> |
|---|------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

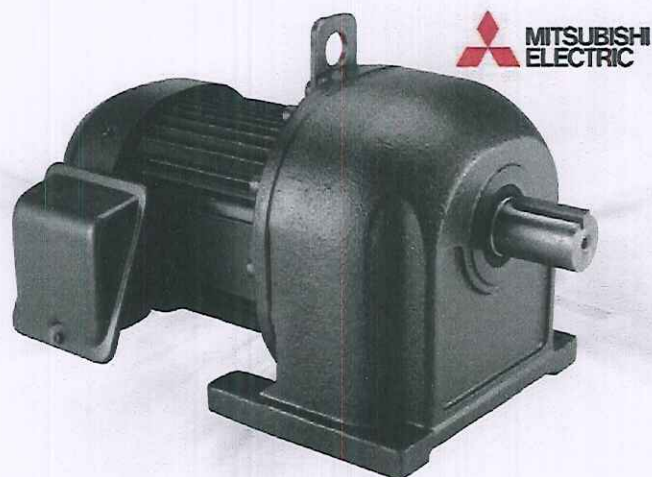
## PHỤ LỤC II

Kèm hợp đồng số: 122/2023/HĐKT

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT THANG TẢI THỰC PHẨM

| ĐẶC TÍNH CHUNG |                                                                                    |                                       |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 01             | Loại thang                                                                         | Thang tải thực phẩm (Dumbwaiter)      |
| 02             | Mã hiệu                                                                            | FUMICO-DW200                          |
| 03             | Số lượng                                                                           | 01 thang                              |
| 04             | Tải trọng                                                                          | 200 Kg                                |
| 05             | Tốc độ                                                                             | 15 m/phút                             |
| 06             | Số tầng                                                                            | 02 Tầng                               |
| 07             | Hố PIT                                                                             | 0 mm                                  |
| 08             | Số cửa tầng phục vụ                                                                | 02                                    |
| 09             | Số điểm dừng thang                                                                 | 02 Stops (GF, 1F)                     |
| 10             | Phòng máy                                                                          | Ở phía trên hố thang                  |
| 11             | Hố thang lọt lòng (rộng x sâu)<br><br>(Chiều theo phương thẳng đứng từ trên xuống) | W1000 x D1000 mm                      |
| 12             | Đổi trọng                                                                          | Không                                 |
| 13             | Hành trình                                                                         | Theo thực tế                          |
| 14             | OH ( Overhead)                                                                     | 3200 mm                               |
| 15             | Nguồn điện thang máy<br><br>(Khách hàng cung cấp tới phòng máy)                    | 1 Phase 220Volt hoặc 3 phase 330 Volt |

### ĐỘNG CƠ



GM-D

|                 |                                               |
|-----------------|-----------------------------------------------|
| Loại động cơ    | Cụm mô-tơ hộp số và tang cuốn cáp chuyên dụng |
| Xuất xứ mô-tơ   | Mitsubishi Nhật Bản                           |
| Mã hiệu mô-tơ   | GM-D                                          |
| Nguồn điện      | 380 Volt x 3 phase x 50Hz                     |
| Công suất mô-tơ | 2.2 Kw                                        |

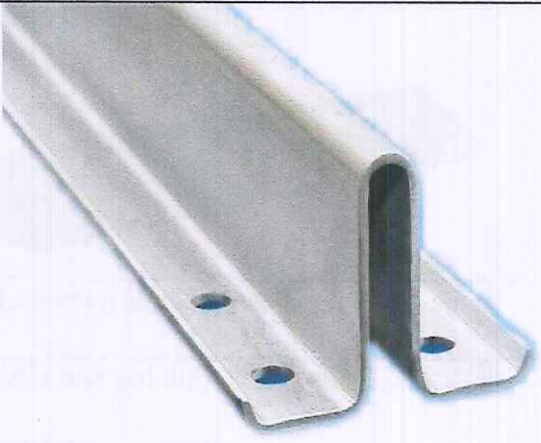
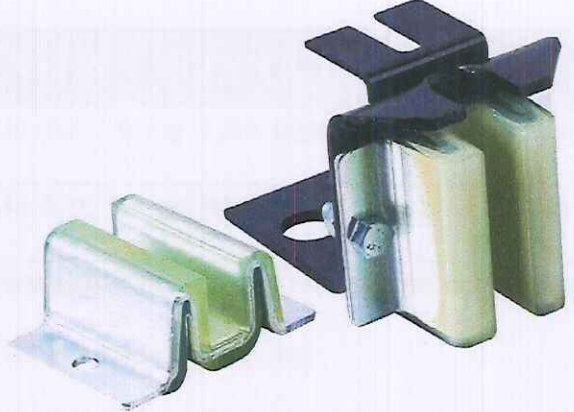
## HỆ THỐNG TỦ ĐIỀU KHIỂN

**Hệ điều khiển chính:** Board vi xử lý chuyên dụng trong thang hàng.

**Biến tần:** Mitsubishi (Nhật Bản) giúp thang hoạt động êm ái, loại bỏ gần như hoàn toàn tình trạng rơi rớt, đổ bể hàng hóa trong cabin khi thang hoạt động, tiết kiệm điện, bảo vệ động cơ và giúp động cơ hoạt động bền bỉ hơn.



## PHÒNG THANG (CABIN)

|    |                                                                                                                      |                                                                                      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 01 | Ray dẫn hướng cabin Ray chuyên dùng cho thang máy (TK5A)                                                             |    |
| 02 | Guốc trượt cabin: Loại chuyên dùng cho thang máy đồng bộ theo kích thước ray                                         |   |
| 05 | Cáp tải: Cáp tải chuyên dùng cho thang máy<br>(hệ số dư tải gấp 10 lần trọng tải của thang)<br>Kích thước cáp: Ø12mm |  |

## HỆ THỐNG MẶT GỌI CỬA TÀNG

